CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

FireAnt

CTCP Nhiệt điện Phả Lại

Ngày 15/01/2024	15,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	25.4%	**36.6%**	**15.6%**

DT thuần
Q4/23
1,770
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 433| 32.4%
YoY: ▲ 194| 12.3%

LN thuần
Q4/23
151
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 81.0| 115%
YoY: ▲ 71.1| 88.5%

LN sau thuế
Q4/23
150
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 65.9| 78.4%
YoY: ▲ 81.0| 117%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
7.5%
YoY: +/-▼ 3.1%

ROE
2023
9.0%
YoY: +/-▼ 0.9%

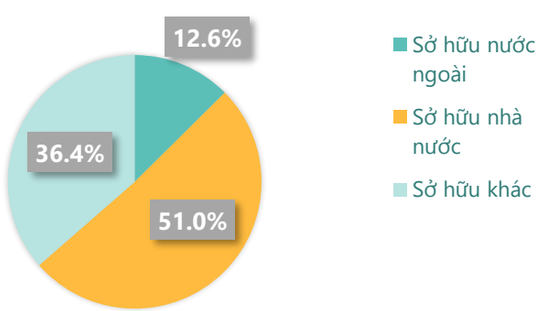
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,747 - 14,150
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,066
Số lượng CPLH (CP)	320,613,054
KLGD BQ 20 phiên (CP)	197,980
Sở hữu nước ngoài	12.6%
Beta	0.54
EPS	1,358
P/E	10.9

DT thuần
2023
5,814
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 536| 10.2%

LN thuần
2023
439
tỷ VNĐ
YoY: ▼119| -21.3%

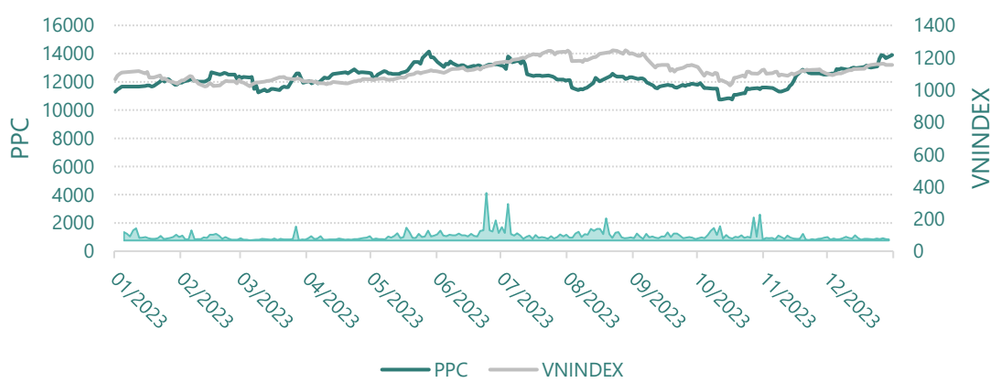
LN sau thuế
2023
435
tỷ VNĐ
YoY: ▼62.0| -12.4%

Cơ cấu sở hữu

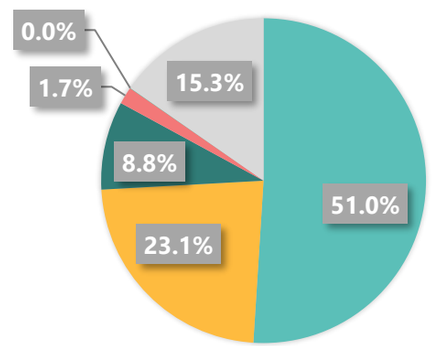


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

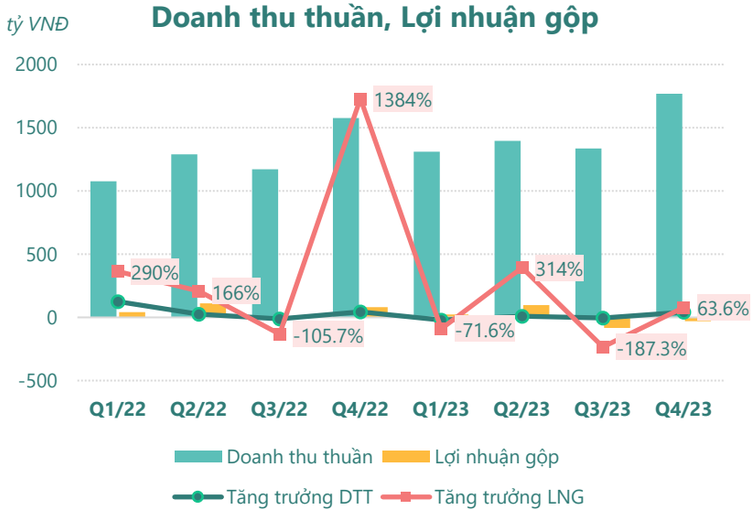


Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP
Công ty TNHH Năng lượng REE
Samarang UCITS - Samarang Asian Prosperity
CTCP Nhiệt điện Phả Lại
Phạm Văn Thư
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

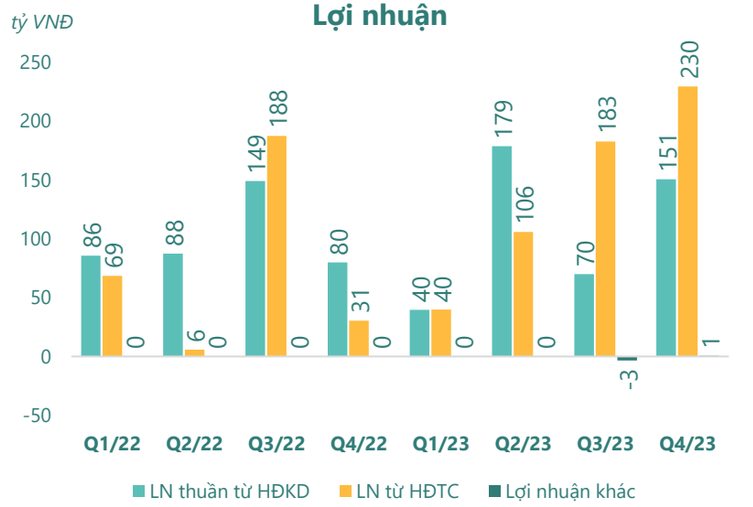
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



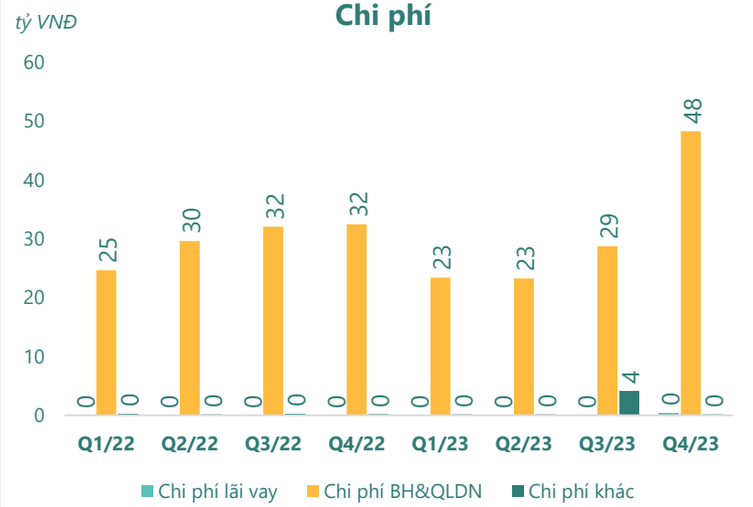
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



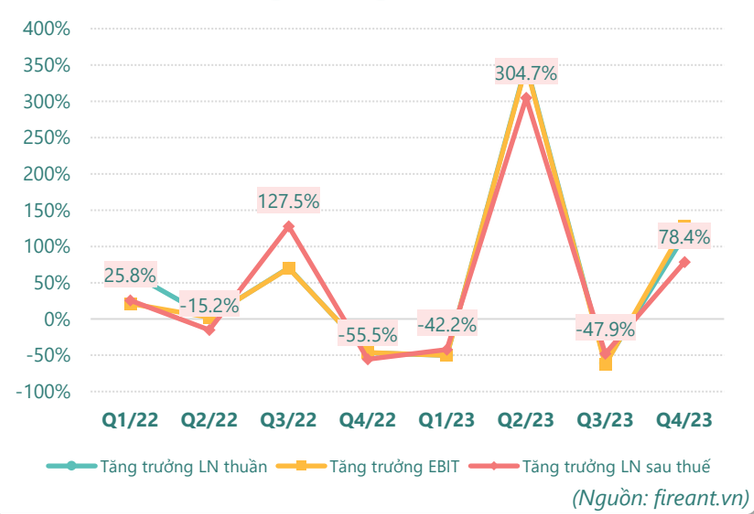
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



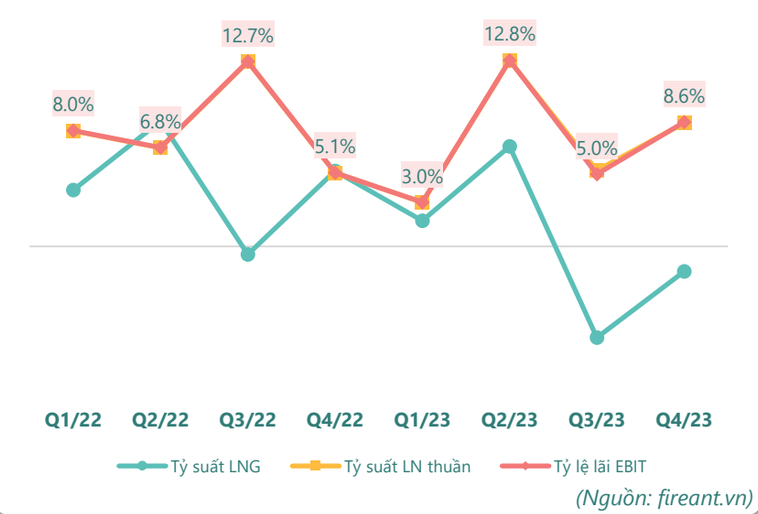
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



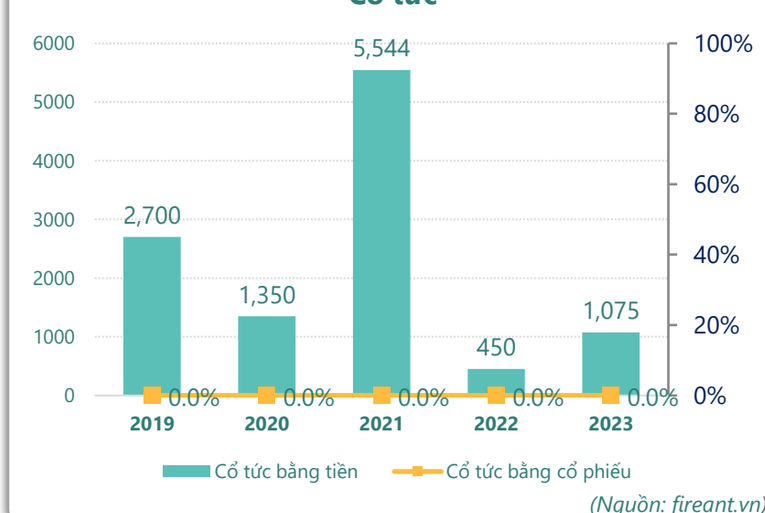
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

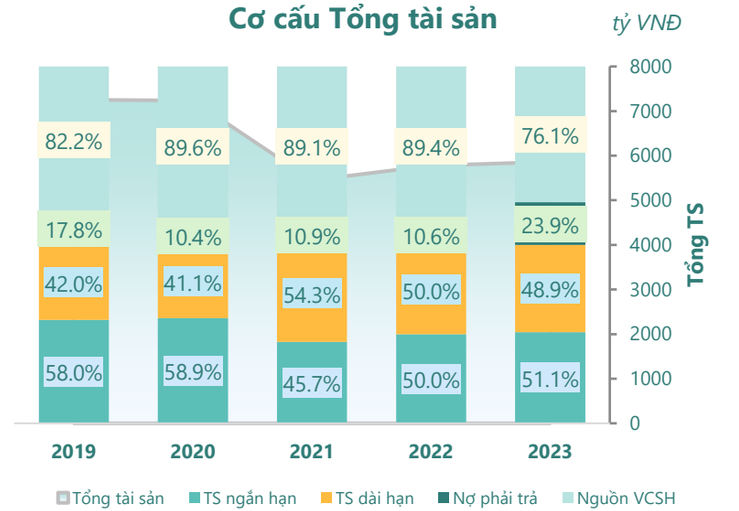
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

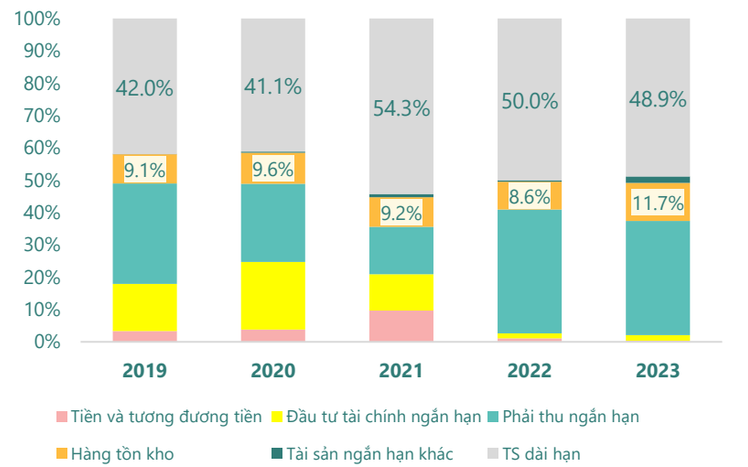
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



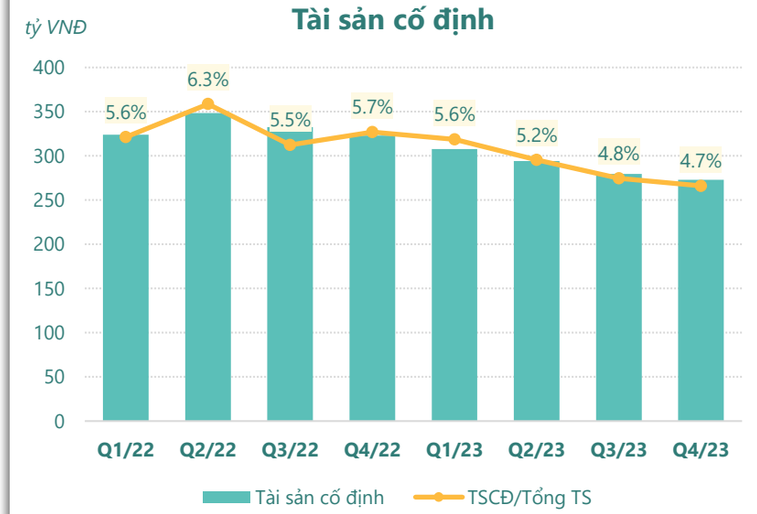
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



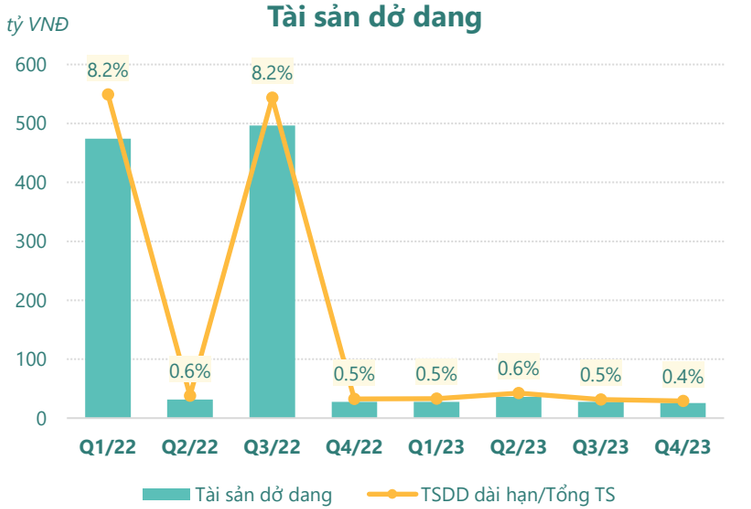
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



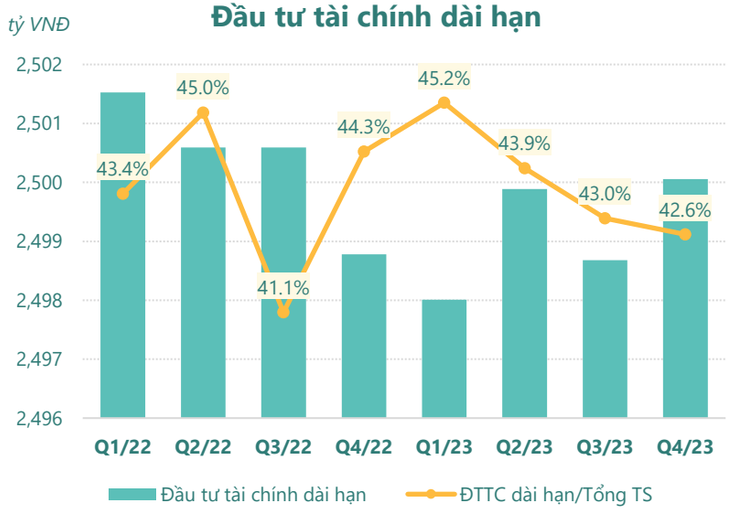
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



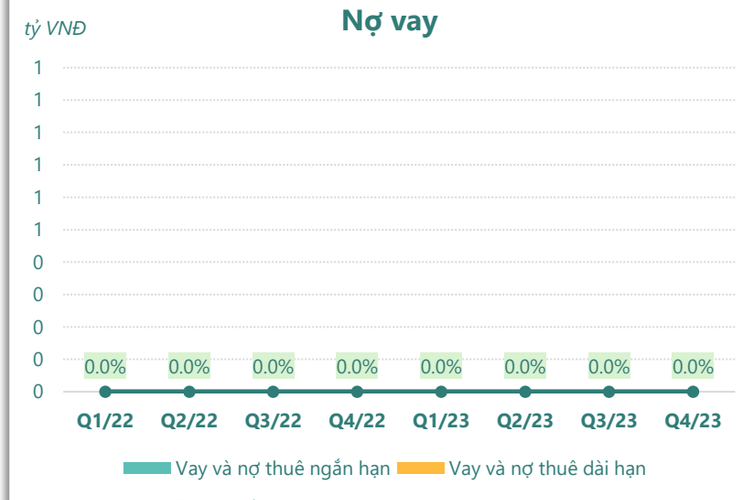
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

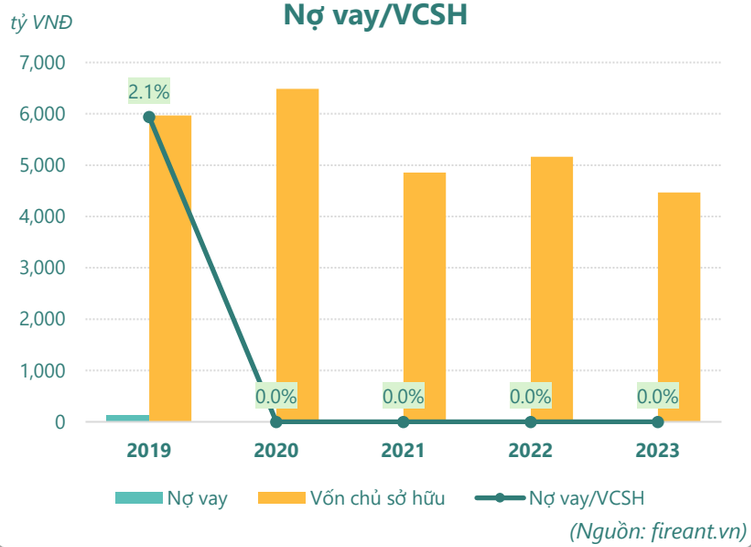
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

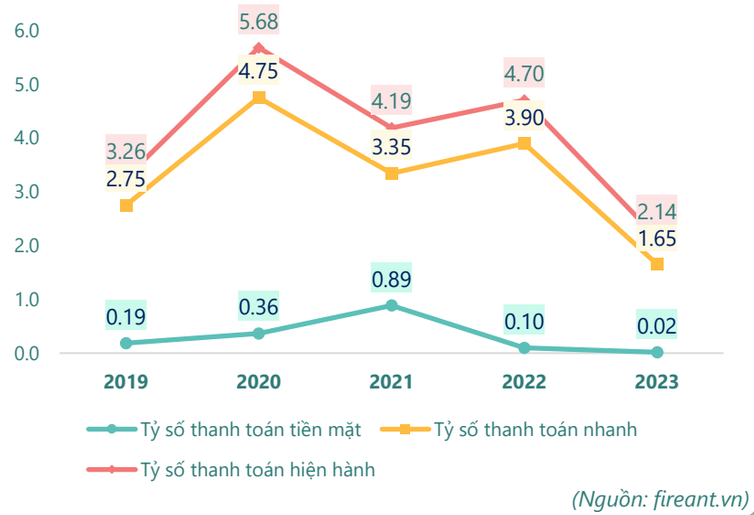
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



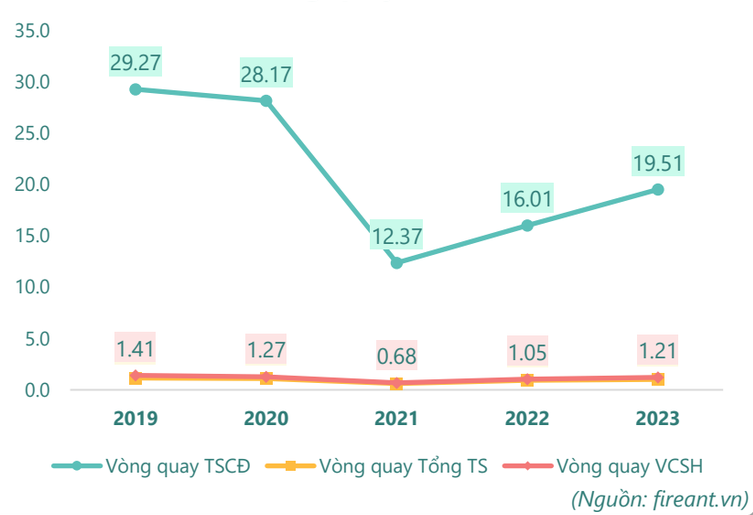
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



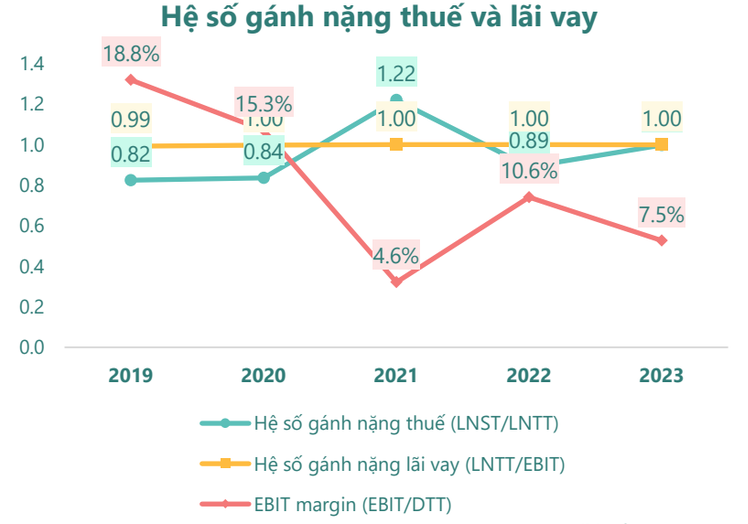
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



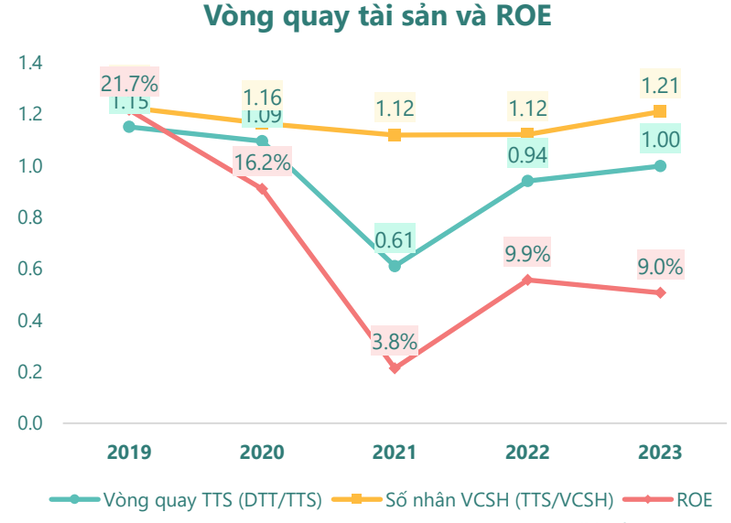
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



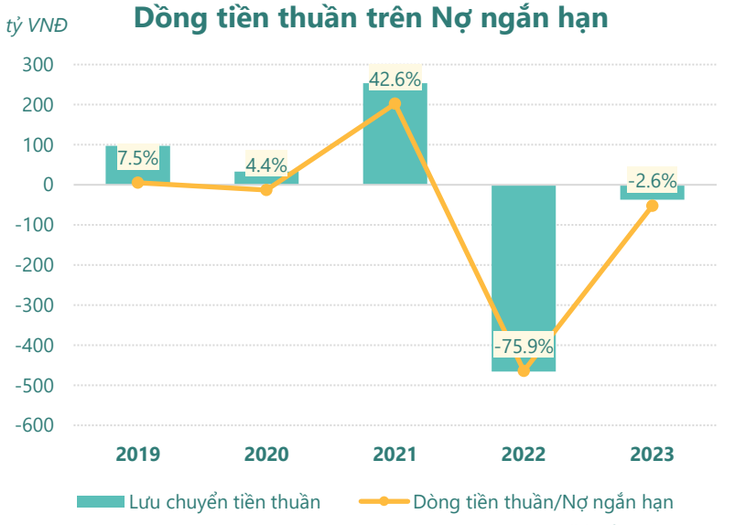
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,770**	**1,576**	**12.3%**	**5,814**	**5,278**	**10.2%**
Giá vốn hàng bán	1,800	1,494	20.5%	5,809	4,893	18.7%
Lợi nhuận gộp	-30.6	81.9	-137%	4.83	385	-98.7%
Doanh thu HĐTC	229	32.4	605%	557	295	88.7%
Chi phí TC	-0.94	1.82	-152%	-0.83	2.62	-131%
Chi phí lãi vay	0.42	0.00		0.42	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**48.3**	**32.5**	**48.6%**	**124**	**119**	**3.5%**
LN thuần từ HĐKD	151	79.9	88.5%	439	558	-21.3%
Lợi nhuận khác	**0.53**	**0.08**	**567%**	**-2.54**	**0.61**	**-516%**
LN trước thuế	151	80.0	88.9%	437	559	-21.9%
Lợi nhuận sau thuế	**150**	**69.0**	**117%**	**435**	**497**	**-12.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**150**	**69.0**	**117%**	**435**	**497**	**-12.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-152	-233	-144	609	-358	-417
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	269	114	112	-91.9	334	175
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-144	-0.02	0	0	-128	-129
Tiền đầu kỳ	206	179	60.3	28.2	546	394
Lưu chuyển tiền thuần	**-27.1**	**-119**	**-32.2**	**517**	**-152**	**-370**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	179	60.3	28.2	546	394	23.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**5,864**	**5,779**	**1.5%**
Tài sản ngắn hạn	2,999	2,890	3.8%
Tiền và tương đương tiền	23.5	60.3	-61.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100	90.0	11.1%
Phải thu ngắn hạn	2,071	2,213	-6.4%
Hàng tồn kho	686	496	38.2%
Tài sản ngắn hạn khác	119	30.0	296%
Tài sản dài hạn	**2,865**	**2,890**	**-0.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	273	323	-15.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.6	27.5	-6.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,500	2,499	0.1%
Tài sản dài hạn khác	**66.5**	**40.3**	**64.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,399	614	128%
Nợ ngắn hạn	**1,399**	**614**	**128%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	555	478	16.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,465**	**5,165**	**-13.6%**
Vốn chủ sở hữu	**4,465**	**5,165**	**-13.6%**
Vốn điều lệ	3,262	3,262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)